

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ M
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2023/HNGĐ-ST
Ngày 24 tháng 4 năm 2023
V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M TỈNH T**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Ngô Thanh Sơn**
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà **Cao Thị Loan**.

- Ông **Đặng Hữu Lộc**.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Phạm Nhật Minh**- Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh T.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M tham gia phiên tòa:* Ông **Huỳnh Quốc Trung** – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố M xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 531/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Mỹ P**, sinh năm 1982 (Xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Số 89, khu phố 2, phường 10, thành phố M, tỉnh T.

* *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Hồng H**, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Số 201 ấp 3B, xã Đạo Thạnh, thành phố M, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ P trình bày:*

Chị P và anh Nguyễn Hồng H cưới nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 10, thành phố M, tỉnh T vào năm 2004. Sau khi kết hôn chị P và anh H chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do anh H có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, không chăm lo gia đình nên tình cảm vợ, chồng không còn. Nay chị P yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hồng H.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Tiến D, sinh ngày 12/11/2006 hiện đang sống cùng anh H, Nguyễn Phương L, sinh ngày 16/8/2013 hiện đang sống cùng chị P. Khi Ly hôn, chị Phương đồng ý để anh H tiếp tục là người trực

tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D. Chị P yêu cầu được tiếp tục là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Anh Nguyễn Hồng H vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp “Ly hôn”.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Hồng H đã được Tòa án tổng D các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Chị Nguyễn Thị Mỹ P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh H và chị P.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ P và anh Nguyễn Hồng H chung sống với nhau từ năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 10, thành phố M, tỉnh T nên hôn nhân giữa chị P và anh H là hợp pháp. Quá trình chung sống, chị P trình bày sau khi kết hôn thì hôn nhân giữa chị P và anh H hạnh phúc nhưng đến năm 2022 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H có quan hệ với người phụ nữ bên ngoài, không quan tâm chăm sóc vợ con. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên chị P yêu cầu được ly hôn với anh H. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc, để đạt được mục đích trên vợ chồng phải yêu thương, chăm sóc và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Hiện nay theo chị P trình bày giữa chị P và anh H không còn tình cảm với nhau do anh H không quan tâm chăm sóc vợ, con và yêu cầu Tòa án cho chị P được ly hôn với anh H. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh H vắng mặt không lý do cho thấy anh H không có thiện chí hàn gắn hôn nhân. Mặt khác, chị P và anh H đã sống ly thân nhau 01 năm nhưng không có giải pháp đoàn tụ nên hôn nhân giữa chị P và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị P là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị P và anh H có 02 con chung tên Nguyễn Tiến D, sinh ngày 12/11/2006 hiện đang sống cùng anh H, Nguyễn phương L, sinh ngày 16/8/2013 hiện đang sống cùng chị P. Khi Ly hôn, chị P đồng ý để anh H tiếp tục là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D, cháu D cũng có nguyện vọng sống cùng cha. Chị P yêu cầu được tiếp tục là người trực tiếp chăm sóc, nuôi

đưỡng cháu L, cháu L cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ khi cha, mẹ ly hôn. Để không làm sáo trộn cuộc sống sinh hoạt bình thường của trẻ cần giao cháu D cho anh H tiếp tục là người trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu L cho chị P tiếp tục là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H và chị P không ai phải cấp dưỡng nuôi con do anh H và chị P chưa có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ P phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[8] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ P

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ P.

-Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ P được ly hôn với anh Nguyễn Hồng H

-Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tiến D, sinh ngày 12/11/2006 cho anh Nguyễn Hồng H tiếp tục là người trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Phương L, sinh ngày 16/8/2013 cho chị Nguyễn Thị Mỹ P tiếp tục là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

+Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Hồng H và chị Nguyễn Thị Mỹ P không ai phải cấp dưỡng nuôi con do anh H và chị P chưa có yêu cầu.

+Chị Nguyễn Thị Mỹ P và anh Nguyễn Hồng H được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

-Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Mỹ P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị P đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0022732 ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố M nên xem như nộp xong án phí.

3/ Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử phúc thẩm.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND TP M,
- CC THADS TP M;
- UBND phường 10, TPM;
- Đương sự,
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thanh Sơn